

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 11- PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/DS-ST

Ngày 28-8-2025

“V/v Tranh chấp chia thừa kế theo di chúc”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- PHÚ THỌ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Kim Thị Ánh Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Kim Khuyên

Ông Lê Thanh Nhất

**- Thư ký phiên toà:** Bà Phan Minh Triều – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 tham gia phiên toà:** Bà Vũ Thị Phương Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp chia thừa kế theo di chúc”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Bà Khương Thị Q, sinh năm 1969 (có mặt)

Bà Khương Thị Minh Q1, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn P, xã H, tỉnh Phú Thọ.

**\* Bị đơn:** Ông Khương Minh Q2, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Phú Thọ.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Khương Thị Q3, sinh năm 1971 (vắng mặt)

- Anh Khương Minh V, sinh năm 1997 (vắng mặt)

- Chị Hà Thị M, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn P, xã H, tỉnh Phú Thọ.

**\* Người làm chứng:**

- Anh Lê Hồng P, sinh năm 1983 (vắng mặt)

- Anh Vũ Mạnh T, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn P, xã H, tỉnh Phú Thọ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2024 các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Khương Thị Q, bà Khương Thị Minh Q1 trình bày: Bố hai bà là Khương Minh Q4, sinh năm 1944 (chết năm 2023), mẹ là Hà Thị P1, sinh năm 1942 (chết năm 2024), cụ Q4, cụ P1 kết hôn khoảng năm 1963 và sinh được 5 người con gồm: Khương Minh Q5, sinh năm 1964 (đã chết năm 12 tuổi, không có vợ con); Khương Thị Minh Q1; Khương Thị Q; Khương Thị Q3 và Khương Minh Q2. Ngoài ra, bố mẹ các bà không có con nuôi hay con riêng nào khác. Quá trình sinh sống cụ Q4, cụ P1 tạo dựng được khối tài sản chung gồm: Thửa đất số 116, tờ bản đồ số 09 diện tích 1.600m<sup>2</sup> (trong đó gồm 200m<sup>2</sup> đất thổ cư và 1.400m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm), ở Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ). Bố mẹ các bà nuôi các anh chị em từ nhỏ cho đến khi trưởng thành và xây dựng gia đình cho các anh chị em trên thửa đất này. Năm 1988 cụ Q4, cụ P1 có làm một ngôi nhà cấp 4 năm gian, ngôi nhà này đã được ông Q2 sửa sang lại, hiện nay ông Q2 vẫn ở. Khoảng năm 1999 cụ P1 tách ra ở riêng, cụ có xây dựng một ngôi nhà cấp 4 ba gian cũng trên thửa đất này. Đến khoảng năm 2017 do ngôi nhà đã xuống cấp, đột nát nên cụ P1 có làm lại ngôi nhà mới cấp bốn ba gian lợp tôn trên nền móng của ngôi nhà cũ và cụ P1 ở ngôi nhà đó một mình đến khi chết. Khi cụ P1 làm ngôi nhà này hai bà có cho cụ một số tiền để làm nhà, nhưng cụ thể là bao nhiêu thì hai bà không nhớ, vì hai bà xác định số tiền này cho mẹ không đòi lại. Năm 2023 cụ Q4 chết, trước khi chết cụ Q4 không để lại di chúc. Sau khi cụ Q4 chết thì đất và tài sản trên đất do cụ P1, ông Q2, vợ chồng anh V và bà Q3 sử dụng, quản lý. Ngày 23/3/2024 cụ P1 chết, trước khi chết cụ P1 có để lại di chúc, trong di chúc cụ P1 có để lại cho chị em bà một phần thửa đất của cụ khoảng 350m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở và 300m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) và một ngôi nhà cấp 4 ba gian khi cụ P1 còn sống quản lý, sử dụng trong thửa đất số 116, tờ bản đồ số 09. Di chúc lập và chứng thực ngày 26/12/2023 tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ), có người làm chứng là anh Vũ Mạnh T và anh Lê Hồng P là người cùng thôn theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Tại thời điểm lập di chúc cụ P1 hoàn toàn khỏe mạnh và minh mẫn. Sau khi cụ P1 chết thì chị em bà ở lại ngôi nhà này để hương khói cho cụ đến 50 ngày thì ông Q2 cùng các con ông Q2 đuổi chị em bà ra khỏi nhà mà cụ P1 đã để lại di chúc cho chị em bà. Toàn bộ tài sản mà cụ P1 để lại sau khi cụ P1 chết không có ai ở, khóa cửa cổng, ông Q2 không cho chị em bà đến thắp hương mẹ, một thời gian sau thì có bà Q3 để đồ hàng vàng mã. Trong di chúc thì cụ P1 để lại cho hai bà được đứng tên đối

với tài sản trong bản di chúc và phần đất này là nơi thờ cúng cụ P1 sau khi cụ P1 qua đời.

Đối với phần đất ngoài di chúc khi cụ Q4, cụ P1 còn sống có nói chia cho bà Q3 một phần diện tích đất, cho ông Q2 một phần diện tích đất và ngôi nhà cấp bốn năm gian của bố mẹ, ngoài ra cụ Q4, cụ P1 cũng chia cho anh V là con ông Q2 một phần thửa đất. Sau khi được bố mẹ cho đất bà Q3 đã xây nhà và ở từ đó đến nay, ông Q2, cháu Tuấn A ở ngôi nhà cấp bốn năm gian, vợ chồng anh V có làm ngôi nhà hai tầng và hiện nay sinh sống trên thửa đất này. Việc cụ Q4, cụ P1 nói cho đất những người trên chỉ nói bằng miệng, không có văn bản giấy tờ gì, hiện nay toàn bộ thửa đất vẫn đứng tên cụ Hà Thị P1. Tuy nhiên hai bà không có ý kiến gì đối với phần diện tích đất mà bà Q3, ông Q2 và anh V đang quản lý, sử dụng vì các bà xác định bố mẹ bà đã chia cho những người này.

Bà Q, bà Q1 được Tòa án thông báo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án diện tích đất có tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ P1 được cấp theo hai bà có sự tăng là do sai số đo đạc và do bố mẹ các bà khi còn sống có sử dụng một phần diện tích đất màu, đất hoang do Ủy ban nhân dân xã Q7. Hiện nay thửa đất cụ Q4, cụ P1 để lại đã xây tường rào xung quanh và cụ Q4, cụ P1 khi còn sống sử dụng ổn định liên tục, không có tranh chấp với các hộ xung quanh. Theo nội dung di chúc cụ P1 để lại cho hai bà phần diện tích cụ đang quản lý, sử dụng khi còn sống có diện tích khoảng 350m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở, còn lại là đất vườn), có chiều dài theo đường liên thôn là 14m, chiều rộng khoảng 25m, có các chiều phía trước nhà giáp đường liên thôn P- T; phía bên trái tiếp giáp với đất của bà Khương Thi Q6; phía bên phải tiếp giáp với đất của anh Khương Minh V; phía đằng sau tiếp giáp với đất ông Khương Minh Q2 và anh Khương Tuấn A ở, trong phần diện tích đất này hai bà xác định có một phần diện tích cụ P1 sử dụng khi còn sống là đất do Ủy ban nhân dân xã Q7. Sau khi hai bà được Tòa án thông báo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và xem xét đối chiếu với hồ sơ quản lý đất đai ở địa phương, lồng ghép với bản đồ 299 hai bà xác định phần diện tích nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích là 204,5m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm 2, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 2 và hai bà xác định phần di chúc đất hợp pháp bao nhiêu thì hai bà nhận bấy nhiêu, còn phần diện tích mà cụ P1 sử dụng thuộc đất màu, đất hoang Ủy ban nhân dân xã quản lý hai bà đề nghị được tiếp tục sử dụng phần đất và tài sản trên đất khi nào Ủy ban nhân dân xã có yêu cầu hai bà sẽ tự nguyện trả lại đất và tháo dỡ tài sản trên đất để trả lại cho Ủy ban nhân dân xã.

Nay bà Q, bà Q1 đề nghị Tòa án chia thừa kế theo di chúc của cụ Hà Thị P1 lập ngày 26/12/2023 đối với một phần thửa đất số 116, tờ bản đồ số 9 lập tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ) theo di nguyện của cụ P1.

*Bị đơn ông Khương Minh Q2 vắng mặt tại phiên tòa quá trình giải quyết vụ án ông Q2 trình bày:* Bố ông là Khương Minh Q4, sinh năm 1944 (đã chết năm 2023) và mẹ ông là Hà Thị P1, sinh năm 1942 (đã chết năm 2024). Bố mẹ ông kết hôn khoảng năm 1963 và sinh được 05 người con gồm: ông Khương Minh Q5, sinh năm 1964 (đã chết năm 12 tuổi không có vợ con), bà Khương Thị Minh Q1, bà Khương Thị Q, bà Khương Thị Q3 và ông. Ngoài ra bố mẹ ông không có con nuôi hay con riêng nào khác. Quá trình sinh sống bố mẹ ông có tạo lập được khối tài sản là thửa đất số 116, tờ bản đồ số 09 diện tích 1.600m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở và 1400m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm), 01 ngôi nhà cấp bốn 5 gian lợp ngói ở thôn P, xã H. Thửa đất này bố mẹ ông cùng sinh sống và nuôi dưỡng anh chị em chúng ông trưởng thành, xây dựng gia đình cho anh chị em ông trên thửa đất này. Sau khi các chị gái ông lấy chồng thì ông ở với bố mẹ trên thửa đất và ngôi nhà 5 gian của bố mẹ ông, năm 1999 mẹ ông có tách ra để ở riêng trên một phần thửa đất trên và mẹ ông có làm một ngôi nhà cấp bốn hai gian để ở, mẹ ông ở một mình trên ngôi nhà này. Khoảng năm 2017 do ngôi nhà của mẹ ông bị hỏng mẹ ông có làm lại ngôi nhà này thành ngôi nhà 3 gian lợp tôn (hiện nay ngôi nhà này vẫn còn), khi mẹ ông xây nhà thì ông có cho mẹ ít tiền cụ thể bao nhiêu ông không nhớ, ông xác định là cho mẹ ông và ông không có yêu cầu gì. Khi sinh sống trên thửa đất này khoảng năm 2015 bố mẹ ông có nói cho cháu Khương Minh V khoảng 300m<sup>2</sup> đất việc cho cháu V đất chỉ nói bằng miệng, không lập thành văn bản, sau khi được cho đất thì cùng năm đó cháu V có làm sẵn móng nhà, năm 2017 cháu V xây dựng gia đình đến năm 2019 vợ chồng cháu V có xây một ngôi nhà hai tầng để sinh sống từ đó đến nay.

Tháng 10/2023 bố ông chết, trước khi chết bố ông không để lại di chúc, sau khi bố ông chết tài sản của bố ông để lại do mẹ ông, ông, bà Q3 và vợ chồng cháu V quản lý, sử dụng. Tháng 3/2024 thì mẹ ông chết, trước khi chết mẹ ông có để lại di chúc hay không thì ông không được biết, chỉ khi Tòa án gửi thông báo thụ lý ông mới biết là mẹ ông có để lại di chúc. Sau khi mẹ ông chết thì bà Q, bà Q1 có ở trên ngôi nhà của mẹ ông đến hết 49 ngày của mẹ ông thì ông không cho ở nữa. Từ đó đến nay tài sản của bố mẹ ông để lại là nhà đất do ông, bà Q3 và vợ chồng cháu V quản lý, sử dụng. Trước đây bố mẹ ông có khai hoang được một phần diện tích đất ruộng liền với thửa đất của bố mẹ ông ở, bố

mẹ ông có cho bà Q1 và bà Q mỗi người khoảng 180m<sup>2</sup> đất (đất không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ ông). Khoảng năm 2011 bà Q3 sau khi ly hôn chồng về nhà bố mẹ ông, bố mẹ ông có cho bà Q3 một phần diện tích đất ruộng khoảng 180m<sup>2</sup>, sau khi được cho đất bà Q3 có làm một ngôi nhà ống lợp Ploxi mằng trên diện tích đất này và ở cùng con gái từ đó đến nay, việc bố mẹ ông cho bà Q1, bà Q, bà Q3 đất chỉ nói bằng miệng không có giấy tờ gì. Sau khi được cho đất bà Q1 có làm một ngôi nhà 3 gian. Sau khi được cho đất bà Q1 bán lại cho bà Q phần này, sau đó bà Q lại bán lại toàn bộ diện tích đất của bà Q được cho và phần mua lại của bà Q1 cho bà Q3, việc mua bán chuyển nhượng như thế nào thì ông không biết. Hiện nay trên thửa đất của bố mẹ ông để lại thì có ông, bà Q3, con gái bà Q3, vợ chồng cháu V, vợ chồng cháu Tuấn A ở. Nay bà Q, bà Q1 có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo di chúc của mẹ ông để lại lập ngày 26/12/2023 ông không đồng ý vì trước đây bố mẹ ông đã cho bà Q, bà Q1 đất, thửa đất bố mẹ ông để lại là của ông vì ông là con trai có trách nhiệm thờ cúng các cụ.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Khương Thị Q3 vắng mặt tại phiên tòa quá trình giải quyết vụ án bà Q3 trình bày:* Bố bà là Khương Minh Q4, sinh năm 1944 (chết năm 2023), mẹ là Hà Thị P1, sinh năm 1942 (chết năm 2024). Cụ Q4 và cụ P1 kết hôn khoảng năm 1963 và sinh được 5 người con gồm: Khương Minh Q5, sinh năm 1964 (đã chết năm 12 tuổi không có vợ con); Khương Thị Minh Q1; Khương Thị Q; Khương Thị Q3 và Khương Minh Q2. Quá trình sinh sống cụ Q4, cụ P1 tạo dựng được khối tài sản chung gồm: Thửa đất số 116, tờ bản đồ số 09 diện tích 1.600m<sup>2</sup> (trong đó gồm 200m<sup>2</sup> đất thổ cư và 1.400m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm), địa chỉ thửa đất tại: Thôn P, xã H. Bố mẹ bà nuôi chị em bà từ nhỏ cho đến khi trưởng thành và xây dựng gia đình cho các anh chị em trên thửa đất này. Quá trình sinh sống cụ Q4, cụ P1 có làm một ngôi nhà cấp 4 năm gian lợp ngói, sau này ông Q2 khi đó ở chung với cụ Q4, cụ P1 có xây thêm các công trình và sửa sang lại để ở, hiện nay ngôi nhà này vẫn còn.

Khoảng năm 1999 cụ P1 tách ra ở riêng, nên đã xây dựng một ngôi nhà cấp 4 hai gian cũng trên thửa đất này và ở một mình. Đến khoảng năm 2017 do ngôi nhà đã cũ nên cụ P1 có làm lại ngôi nhà mới, khi cụ P1 làm ngôi nhà bà Q3 có cho cụ P1 một số tiền để làm nhà, nhưng cụ thể là bao nhiêu bà Q3 không nhớ, vì bà xác định cho mẹ. Khi xây xong cụ P1 vẫn ở một mình, các chị em trong gia đình đi lại thăm nom mẹ.

Năm 2023 bố bà chết, trước khi chết bố bà không để lại di chúc, nhưng có viết lại cho bà một văn bản bà không nhớ tên. Sau khi cụ Q4 chết thì tài sản và

ngôi nhà của bố mẹ do cụ P1 và ông Q2 sử dụng, quản lý. Năm 2024 cụ P1 chết, việc cụ P1 có để lại di chúc bà không được biết, chỉ khi được Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án về việc phân chia di sản thừa kế theo di chúc bà mới được biết cụ P1 có để lại di chúc. Sau khi cụ P1 chết thì phần đất mà có ngôi nhà cụ P1 ở thì bà Q1 và bà Q ở đến 49 ngày cụ P1 thì ông Q2 mời về. Từ đó cho đến nay toàn bộ tài sản cụ Q4, cụ P1 để lại do bà và ông Q2 quản lý, sử dụng. Đối với ngôi nhà cấp 4 năm gian cũ của cụ Q4 cụ P1, quá trình sử dụng ông Q2 đã sửa sang lại và xây thêm công trình. Trên ngôi nhà này có ông Q2 và vợ chồng con trai ông quyền là Khương Tuấn A sinh sống. Khoảng năm 2019 cụ Q4, cụ P1 cho cháu trai là anh Khương Minh V (con trai ông Q2) một phần thửa đất. Sau khi được cho phần đất này thì anh V và ông Q2 đã xây một ngôi nhà ngang hai tầng, hiện nay trên ngôi nhà này có vợ chồng anh V sinh sống. Việc cụ Q4, cụ P1 nói cho anh V đất chỉ nói bằng miệng, không có văn bản giấy tờ gì.

Năm 2011, sau khi ly hôn bà có về nhà cụ Q4, cụ P1 ở, thì các cụ có cho bà một phần thửa đất. Sau đó bà đã xây một ngôi nhà ống và các công trình trên diện tích đất khoảng 180m<sup>2</sup> và ở cùng con gái từ đó đến nay. Khi cụ Q4, cụ P1 cho bà đất thì cũng cho bà Q1 và bà Q mỗi người một phần đất khoảng 180m<sup>2</sup>. Việc cụ Q4, cụ P1 cho đất cũng chỉ nói bằng miệng chứ không có văn bản gì. Sau khi được cho đất bà Q1 có làm một ngôi nhà cấp 4 ba gian, hiện nay ngôi nhà này vẫn còn, sau đó bà Q1 bán phần đất này cho bà Q. Năm 2016 bà Q bán toàn bộ nhà đất này cho bà, khi bán có viết giấy tờ bằng tay.

Nay bà Q1 và bà Q có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ P1 để lại ngày 26/12/2023 bà không đồng ý, vì trước đây cụ Q4, cụ P1 đã cho các chị em gái mỗi người một phần đất. Còn phần đất này để lại toàn bộ cho ông Q2 vì ông quyền là con trai, có trách nhiệm thờ cúng các cụ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Khương Minh V, chị Đỗ Thị M1 đến Tòa án làm việc, nhưng anh V, chị M1 đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Q, bà Q1.

*Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, tại bản tự khai ngày 11/8/2025 ông H trình bày:*

Cụ Khương Minh Q4 và cụ Hà Thị P1 được quyền sử dụng thửa đất số 116, tờ bản đồ số 09 diện tích 1.600m<sup>2</sup> (trong đó gồm 200m<sup>2</sup> đất thổ cư và

1.400m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) ở Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ), được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/5/1998 đứng tên bà Hà Thị P1, nguồn gốc thửa đất là được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất khi vợ chồng cụ P1, cụ Q4 còn sống đã phân chia cho các con là ông Q2, bà Q3, anh V và hiện nay những người này đã xây nhà ở, công trình và có ranh giới rõ ràng, tuy nhiên chưa thực hiện thủ tục tách thửa, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, còn phần diện tích đất cụ P1 sử dụng thì cụ P1 thực hiện việc lập di chúc cho bà Q, bà Q1. Đối với phần diện tích đất thửa số 116, tờ bản đồ số 09 khi cụ P1 còn sống và hiện nay những người con của cụ P1 đang sử dụng đối chiếu với hồ sơ, sổ sách quản lý tại địa phương thì có sử dụng một phần thửa đất số 101 loại đất màu và một phần diện tích thửa đất số 115 loại đất khai hoang đều do Ủy ban nhân dân xã quản lý, phần diện tích đất này gia đình cụ P1 sử dụng từ lâu.

Ngày 26/12/2023 cụ P1 lập di chúc để phân chia một phần thửa đất số 116, tờ bản đồ số 9 và bản di chúc này được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Phú Thọ) di chúc cho bà Q, bà Q1 một phần thửa đất số 116, tờ bản đồ số 9 là phần diện tích đất trước đây cụ P1 khi còn sống đã làm nhà ở, Ủy ban nhân dân xã xác định về thủ tục chứng thực di chúc thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, tại thời điểm lập di chúc cụ P1 minh mẫn, khỏe mạnh và đầy đủ khả năng nhận thức điều khiển hành vi. Đối chiếu với hiện trạng sử dụng đất, bản đồ 299 và hồ sơ sổ sách quản lý đất đai tại địa phương thì xác định phần diện tích đất cụ P1 lập di chúc cho bà Q, bà Q1 có sử dụng một phần diện tích của thửa đất số 101 loại đất màu và một phần diện tích của thửa đất số 115 loại đất hoang do Ủy ban nhân dân xã Q7. Đối với phần diện tích đất khi còn sống cụ Q4, cụ P1 sử dụng và hiện nay các con cụ P1 đang quản lý, sử dụng có một phần đất màu, một phần đất hoang do Ủy ban nhân dân xã quản lý thì địa phương có quan điểm vẫn để cho hộ gia đình sử dụng, nếu Tòa án chia thừa kế theo di chúc thì ai là người được chia thì sẽ cho người đó tiếp tục sử dụng, khi nào địa phương cần sử dụng thì sẽ có yêu cầu giải quyết sau. Nay địa phương có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Người làm chứng:*

+ *Anh Lê Hồng P trình bày:* Anh không có mối quan hệ gì với cụ Hà Thị P1, bà Khương Thị Q và bà Khương Thị Minh Q1. Ngày 26/12/2023 anh được cụ Hà Thị P1, bà Q1, bà Q mời lên UBND xã H để làm chứng cho việc cụ P1

lập di chúc chia tài sản là thửa đất số 116, tờ bản đồ số 9 ở thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Tại thời điểm lập di chúc có mặt các thành phần của UBND xã, cụ P1, bà Q, bà Q1 và anh Vũ Mạnh T. Sau khi cán bộ chuyên môn soạn thảo giúp cụ P1 di chúc thì đã đọc thông qua cho những người có mặt nghe, anh được biết nội dung di chúc cụ P1 di chúc cho bà Q, bà Q1 một phần thửa đất trên có diện tích khoảng 350m<sup>2</sup> đất. Sau khi đọc thông qua nội dung di chúc tất cả những người có mặt cùng ký vào bản di chúc. Tại thời điểm lập di chúc anh thấy cụ P1 hoàn toàn minh mẫn, khỏe mạnh bình thường đủ khả năng nhận thức và việc anh làm chứng là hoàn toàn vô tư, khách quan.

+ *Anh Vũ Mạnh T trình bày:* Anh không có mối quan hệ gì với cụ Hà Thị P1, bà Khương Thị Q, bà Khương Thị Minh Q1. Ngày 26/12/2023 anh được cụ P1 nhờ làm chứng về việc cụ P1 lập di chúc chia tài sản là thửa đất số 116, tờ bản đồ số 9 ở thôn P, xã H. Tại thời điểm lập di chúc thì có mặt các thành phần của UBND xã và các bên liên quan. Sau khi soạn thảo di chúc thì các bên được nghe đọc bản di chúc cho những người có mặt nghe. Anh được biết nội dung di chúc cụ P1 có cho bà Q, bà Q1 một phần diện tích đất mà cụ đang sử dụng. Sau khi thông qua nội dung di chúc thì những người có mặt cùng ký vào bản di chúc. Tại thời điểm lập di chúc anh thấy cụ P1 hoàn toàn minh mẫn, khỏe mạnh bình thường, đủ khả năng nhận thức và việc anh làm chứng là hoàn toàn khách quan.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 11- Phú Thọ thụ lý vụ án dân sự về việc tranh chấp thừa kế theo di chúc là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Còn bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 26, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính; Luật tư pháp và người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 627, 628, 630, 635 Bộ luật dân sự; quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Công nhận bản di chúc do cụ Hà Thị P1 lập ngày 26/12/2023 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ) có hiệu lực một phần. Bà Khương Thị Q, bà Khương Thị Q1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất và tài sản trên đất có tổng diện tích là 204,5m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 116, tờ bản đồ số 9, địa chỉ thôn P, xã H, tỉnh Phú Thọ được giới hạn bởi các điểm 2, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 2; Bà Q và bà Q1 được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với phần diện tích đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 14, 13, 1 có diện tích 111, 1m<sup>2</sup> và phần diện tích đất được giới hạn bởi các điểm 3, 4, 5, 3 có diện tích 1,7m<sup>2</sup> không có hiệu lực pháp luật.

Về tiền án phí dân sự sơ thẩm và tiền chi phí tố tụng đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn bà Khương Thị Q, bà Khương Thị Minh Q1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của cụ Hà Thị P1 lập ngày 26/12/2023. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp chia thừa kế theo di chúc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính; Luật tư pháp và người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Khương Minh Q2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Khương Thị Q3, anh Khương Minh V, chị Hà Thị M đã được Tòa tổng đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc. Tại phiên tòa ông Q2, bà Q3, anh V, chị M vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về nội dung: Nguyên đơn đề nghị chia di sản thừa kế theo di chúc của cụ Hà Thị P1 lập ngày 26/12/2023 tại Ủy ban nhân dân xã H đối với một phần thửa đất số 116, tờ bản đồ số 9, địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Phú Thọ.

Cụ Hà Thị P1 và cụ Khương Minh Q4 sinh được 05 người con gồm Khương Minh Q5, sinh năm 1964 (đã chết năm 12 tuổi không có vợ con); Khương Thị Minh Q1, Khương Thị Q; Khương Thị Q3 và Khương Minh Q2. Cụ Q4 chết năm 2023, cụ P1 chết năm 2024. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Q4, cụ P1 gồm: Bà Q1, bà Q, bà Q3, ông Q2.

Quá trình sinh sống cụ Q4 và cụ P1 tạo dựng được khối tài sản là thửa đất số 116, tờ bản đồ số 09 diện tích 1.600m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất thổ cư và 1.400m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) ở Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ); năm 1988 hai cụ xây 01 ngôi nhà cấp bốn năm gian, công trình chuồng trại, cây cối, ngôi nhà này cụ Q4, cụ P1 sinh sống cùng các con. Năm 1999 cụ P1 đã tách ra ở riêng trên một phần thửa đất trên có diện tích khoảng 350m<sup>2</sup>, cụ P1 có làm một ngôi nhà cấp bốn hai gian và một mình cụ sinh sống ở phần đất và ngôi nhà này. Lúc đó cụ Q4 ở cùng ông Q2 hai cụ ăn riêng, ở riêng. Năm 2011 khi bà Q3 ly hôn chồng về nhà bố mẹ đẻ ở thì cụ P1, cụ Q4 có cắt cho một phần diện tích của thửa đất trên để làm nhà ở, sau khi được cho đất thì bà Q3 có làm một ngôi nhà ống và các công trình để ở từ đó đến nay. Năm 2017 do ngôi nhà của cụ P1 bị hỏng nên cụ P1 có sửa sang lại và làm thành ngôi nhà 03 gian lợp tôn để ở và các anh chị em có cho cụ tiền để sửa sang nhà và đều xác định là cho cụ P1. Năm 2015 cụ P1, cụ Q4 chia tách cho anh V một phần thửa đất đến năm 2019 vợ chồng anh V xây ngôi nhà hai tầng để sinh sống từ đó đến nay. Việc cụ Q4, cụ P1 chia tách đất cho bà Q3, anh V chỉ nói bằng miệng không làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

[4]. Ngày 18/11/2023 cụ Q4 chết trước khi chết cụ Q4 không để lại di chúc, sau khi cụ Q4 chết thì toàn bộ tài sản do cụ P1, ông Q2, bà Q3, vợ chồng anh V quản lý, sử dụng. Ngày 26/12/2023 cụ P1 lập di chúc để phân chia một phần thửa đất số 116, tờ bản đồ số 9 và bản di chúc này được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Phú Thọ) nội dung di chúc thể hiện: “ *Quyền sử dụng đất của tôi (cụ P1) ½ (một nửa) thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 891235.... Do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 29/5/1998 đứng tên bà Hà Thị P1 với các thông tin cụ thể như sau: số tờ bản đồ 09, số thửa 116, tổng diện tích là 1.600m<sup>2</sup>; loại đất: đất ở = 200m<sup>2</sup>, đất vườn = 1.400m<sup>2</sup>; thời hạn sử dụng lâu dài, địa chỉ: xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (Bản đồ 299). Trong tổng số quyền sử dụng thửa đất của tôi là ½ trong tổng số quyền sử dụng đất đã nêu. Tuy nhiên tôi và chồng tôi là ông Khương Minh Q4 khi còn sống đã tặng cho các con, cháu chúng tôi, hiện nay các con, cháu chúng tôi đã sử dụng, xây nhà ở, ranh giới rõ ràng (các con,*

*cháu tôi chưa thực hiện thủ tục cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa thực hiện thủ tục tách thửa). Do vậy phần diện tích đất còn lại của tôi đang sử dụng tôi mô tả như sau: Phía trước nhà là đường liên thôn P- T; phía bên trái tiếp giáp đất ở của con gái tôi là Khương Thị Q3; phía bên phải tiếp giáp đất ở của cháu nội tôi là Khương Minh V; phía đằng sau tiếp giáp đất ở của con trai và cháu nội tôi là Khương Minh Q2, Khương Tuấn A.*

*Thửa đất tôi đang ở có chiều dài theo đường liên thôn khoảng 14m (mười bốn mét), chiều rộng khoảng 25m (hai mươi lăm mét), tổng diện tích khoảng 350m<sup>2</sup>. Trong tổng diện tích 350m<sup>2</sup> có 50m<sup>2</sup> là đất ở, còn lại là đất vườn. Trên diện tích đất ở này tôi đã xây nhà từ năm 1999.*

*Đến thời điểm mở di chúc nếu những tài sản đã nêu trong di chúc này dù có thay đổi về hiện trạng, tăng hoặc giảm giá trị thì vẫn được định đoạt theo di chúc này”*

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày tại thời điểm lập di chúc cụ Hà Thị P1 vẫn minh mẫn, khỏe mạnh, không bị ép buộc; ông Q2, bà Q3 cho rằng không biết việc cụ P1 lập di chúc để lại nhà đất cho bà Q, bà Q1, chỉ khi Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án thì ông Q2, bà Q3 mới biết cụ P1 lập di chúc. Tuy nhiên ông Q2, bà Q3 không đồng ý với nội dung di chúc vì trước đây cụ Q4, cụ P1 đã cho các chị em gái mỗi người một phần đất. Còn phần đất này để lại toàn bộ cho ông Q2 vì ông Q2 là con trai, có trách nhiệm thờ cúng các cụ. Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H về việc chứng thực di chúc của cụ P1, Ủy ban xã xác định về thủ tục chứng thực di chúc thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, tại thời điểm lập di chúc cụ P1 minh mẫn, khỏe mạnh và có đầy đủ khả năng nhận thức điều khiển hành vi; ngoài ra hai người làm chứng tại bản di chúc của cụ P1 là anh Vũ Mạnh T và anh Lê Hồng P đều xác định được mời là người làm chứng cho việc lập di chúc của cụ P1 và tại thời điểm đó cụ P1 hoàn toàn khỏe mạnh, minh mẫn, đủ khả năng nhận thức và việc các anh làm chứng là hoàn toàn vô tư, khách quan. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến Tòa án làm việc nhưng những người này không có mặt, do vậy Tòa án căn cứ vào lời khai, tài liệu do nguyên đơn cung cấp và Tòa án xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H để giải quyết vụ án theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thừa nhận và trong di chúc của cụ P1 có thể hiện khi còn sống cụ P1 và cụ Q4 đã chia tách thửa đất cho ông Q2, bà Q3, anh V. Năm 2023 cụ Q4 chết không để lại di chúc, năm 2024 cụ P1 chết có để lại di chúc cho bà Q, bà Q1 khoảng 350m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở còn lại là

đất vườn). Như vậy sau khi cụ Q4 và cụ P1 chết thì toàn bộ thửa đất số 116, tờ bản đồ số 9 là di sản của cụ Q4, cụ P1 chưa chia, ngày 26/12/2023 cụ P1 lập di chúc cho bà Q, bà Q1 diện tích đất khoảng 350m<sup>2</sup> nằm trong ½ khối di sản của cụ P1. Do vậy, di chúc là hợp pháp nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc do cụ P1 lập ngày 26/12/2023 đối với phần đất có diện tích nằm trong thửa đất số 116, tờ bản đồ số 9 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/5/1998 đứng tên bà Hà Thị P1 là có căn cứ, được chấp nhận.

[5]. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án tổng diện tích hiện trạng sử dụng của thửa đất số 116, tờ bản đồ số 9, có diện tích là 2.466,0m<sup>2</sup>, diện tích có tăng so với diện tích cụ P1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nguyên đơn trình bày và xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H xác định diện tích của thửa đất tăng là do sai số đo đạc và do gia đình cụ P1 sử dụng phần diện tích là 441m<sup>2</sup> của thửa đất số 101, loại đất màu và phần diện tích 220m<sup>2</sup> của thửa đất số 115, loại đất khai hoang đều do Ủy ban nhân dân xã Q7, diện tích đất này gia đình cụ P1 sử dụng từ lâu. Theo nội dung di chúc thì cụ P1 di chúc cho bà Q, bà Q1 phần diện tích đất có chiều dài theo đường liên thôn là khoảng 14m, chiều rộng khoảng 25m, tổng diện tích khoảng 350m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần diện tích cụ P1 để lại theo sơ đồ hiện trạng tổng diện tích là 315,6m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 1. Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H xác định sau khi đối chiếu với hiện trạng sử dụng đất, bản đồ 299, hồ sơ sổ sách quản lý tại địa phương phần diện tích đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi cụ P1 còn sống quản lý, sử dụng có diện tích là 204,5m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm 2, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 2; còn phần diện tích nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa đất số 101 diện tích 111,1m<sup>2</sup> đất màu được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 14, 13, 1 và một phần thửa đất số 115 đất hoang có diện tích là 1,7m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm 3, 4, 5, 6, 3 là đất do Ủy ban nhân dân xã Q7. Các nguyên đơn xác định khi cụ P1 còn sống có sử dụng phần diện tích đất màu, đất khai hoang do Ủy ban nhân dân xã Q7 và có quan điểm trường hợp diện tích được hưởng ít hơn so với bản di chúc thì các nguyên đơn đồng ý và không có kiến gì, nguyên đơn đề nghị được tiếp tục sử dụng phần diện tích đất nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ P1, khi nào địa phương có yêu cầu sẽ tự nguyện tháo dỡ và trả lại đất cho Ủy ban nhân dân xã. Đồng thời địa phương có quan điểm đối với phần diện tích đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý thì vẫn để cho hộ sử dụng và nếu chia thừa kế

theo di chúc ai là người được chia thì sẽ cho người đó tiếp tục sử dụng, khi nào địa phương cần sẽ có yêu cầu giải quyết sau.

[6]. Theo nội dung của di chúc thì bà Q, bà Q1 được hưởng phần đất có chiều dài theo đường liên thôn là 14m, chiều rộng khoảng 25m, tổng diện tích khoảng 350m<sup>2</sup> (có 50m<sup>2</sup> đất ở còn lại là đất vườn), trên đất cụ P1 có xây một ngôi nhà từ năm 1999; đến thời điểm mở di chúc nếu những tài sản đã nêu trong di chúc này dù có thay đổi hiện trạng hoặc giảm giá trị thì vẫn được định đoạt theo di chúc này. Căn cứ vào sự thừa nhận của nguyên đơn và xác minh tại Ủy ban nhân dân xã thì phần diện tích cụ P1 để lại di chúc cho bà Q, bà Q1 có phần diện tích đất thuộc đất Ủy ban nhân dân xã Q7; Bà Q, bà Q1 thống nhất xác định theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/3/2025, trường hợp xác định nguyên đơn được hưởng diện tích ít hơn so với bản di chúc thì nguyên đơn tự chịu và không có ý kiến gì. Do vậy xác định di chúc cụ Hà Thị P1 lập ngày 26/12/2023 có hiệu lực một phần theo sơ đồ hiện trạng có diện tích 204,5m<sup>2</sup> (trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở và 154,5m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) được giới hạn bởi các điểm 2, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 2, đất ở 1.000.000đ/m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 500.000đ/m<sup>2</sup>; tổng giá trị đất là 127.250.000 đồng; Tài sản trên đất gồm: 01 phần ngôi nhà cấp bốn ba gian xây gạch đỏ tường 10 chất xi măng xây năm 1999 sửa lại năm 2017; 01 phần mái tôn trước nhà; 01 phần sân gạch; 01 đoạn tường gạch xi; 01 phần vách nhựa và khung sắt gắn trên tường xây gạch xi do bà Q1 làm năm 2024; Đối với phần diện tích đất nằm trong di chúc của cụ P1 không có hiệu lực pháp luật có diện tích là 111,1m<sup>2</sup> theo được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 14, 13, 1 và diện tích 1,7m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm 3, 4, 5, 6, 3 gồm có các tài sản: một phần ngôi nhà cấp bốn ba gian xây gạch đỏ tường 10 chất xi măng xây năm 1999 sửa lại năm 2017; 01 mái tôn bên hông nhà cấp bốn; 01 nhà vệ sinh xây gạch xi lợp Fiblo xi măng; lán Fibro xi măng; một phần mái tôn trước nhà; một phần sân gạch; 01 đoạn tường xây gạch cao 1,3m từ điểm 1-2; một phần vách nhựa và khung sắt gắn trên tường xây gạch xi do bà Q1 làm năm 2024;

Đối với các tài sản trên đất nguyên đơn đề nghị được hưởng và quản lý sử dụng, phần diện tích đất nằm trong di chúc thuộc đất Ủy ban nhân dân xã H quản lý, nếu chia thừa kế theo di chúc ai là người được chia thì sẽ tạm giao cho người đó tiếp tục sử dụng, khi nào địa phương cần sẽ có yêu cầu giải quyết sau. Do vậy, khi chia thừa kế theo di chúc cho bà Q, bà Q1 thì giao cho hai bà tiếp tục sử dụng. Đối với tài sản phần vách nhựa và khung sắt gắn với tường xi do bà Q1 làm năm 2024 bà Q1 xác định để sử dụng chung và không yêu cầu bà Q phải

thanh toán. Ngoài ra trên đất còn có 01 nhà vệ sinh xây gạch xi không chất lợp Fibro xi măng, sân gạch. Do vậy tài sản được chia theo di chúc mà bà Q, bà Q1 được hưởng gồm: Nhà cấp bốn  $53m^2 \times 1.300.000đ/m^2 = 68.900.000$  đồng; Mái tôn trước nhà:  $25,5m^2 \times 180.000đ/m^2 = 4.590.000$  đồng; Tường xây gạch xi:  $16,146m^2 \times 180.000đ = 2.906.280$  đồng; Mái tôn bên hông nhà:  $55m^2 \times 180.000đ = 9.900.000$  đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 86.296.280 đồng. Bà Q, bà Q1 là nguyên đơn có nguyện vọng sử dụng chung tài sản được hưởng thừa kế theo di chúc, do vậy Hội đồng xét xử không phân chia cụ thể mà giao cho bà Q, bà Q1 được hưởng chung phần di sản do cụ P1 di chúc để lại.

[7]. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Nguyên đơn bà Q, bà Q1 tự nguyện chịu toàn bộ 6.800.000 đồng, xác nhận bà Q, bà Q1 đã nộp đủ.

[8]. Về án phí: Bà Q, bà Q1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật đối với phần di sản được hưởng  $213.546.280 \text{ đồng} \times 5\% = 10.677.000$  đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã làm tròn).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính; Luật tư pháp và người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 627, 628, 630, 635 Bộ luật dân sự Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Công nhận bản di chúc do cụ Hà Thị P1 lập ngày 26/12/2023 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ) có hiệu lực một phần. Bà Khương Thị Q, bà Khương Thị Minh Q1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất và tài sản trên đất có tổng diện tích là  $204,5m^2$  (trong đó có  $50 m^2$  đất ở và  $154,5 m^2$  đất trồng cây lâu năm) thuộc một phần thửa đất số 116, tờ bản đồ số 9, địa chỉ thôn P, xã H, tỉnh Phú Thọ được giới hạn bởi các điểm 2, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 2 (có sơ đồ chi tiết kèm theo). Bà Q và bà Q1 được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với phần diện tích đất được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 14, 13, 1 có diện tích  $111, 1m^2$  và phần diện tích đất được giới hạn bởi các điểm 3, 4, 5, 3 có diện tích  $1,7m^2$  không có hiệu lực pháp luật.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà Khương Thị Q, Khương Thị

Minh Q1 tự nguyện chịu toàn bộ 6.800.000 đồng, xác nhận bà Q và bà Q1 đã nộp đủ.

Về án phí: Bà Khương Thị Q và bà Khương Thị Minh Q1 cùng phải chịu 10.677.000 đồng (*Mười triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền mỗi người đã nộp 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000535, 0000536 cùng ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11); Bà Q, bà Q1 còn phải nộp tiếp số tiền là 3.177.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND khu vực 11;
- Cơ quan THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Kim Thị Ánh Vân**









